

Bản án số: 44/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 12 - 02 -2026  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Chỉ và ông Phạm Việt Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Tiến– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 390/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 26/02/1981; CCCD số 030181018966; nơi đăng ký thường trú: **TDP V, phường B, thành phố Hải Phòng**. Hiện tại đang làm việc tại **M - Trung Quốc**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thị H** (về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản, tài liệu tố tụng): Chị **Cao Thị Thu H1**, sinh năm 2001; địa chỉ: **TDP S, phường N, thành phố Hải Phòng**. Giấy ủy quyền ngày 06/8/2025.

- Bị đơn: Anh **Cao Văn H2**, sinh ngày 07/3/1974; CCCD số 030074001875; nơi đăng ký thường trú: **TDP V, phường B, thành phố Hải Phòng**. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị H trình bày:*

Chị và anh **Cao Văn H2** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là phường B, thành phố Hải Phòng)** vào năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, khi mới cưới được vài tháng đã xảy ra mâu thuẫn, anh **H2** đánh chị khi chị mới sinh cháu **H1**, chị định ly hôn nhưng bố mẹ chị đã khuyên nên chị đành chịu đựng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh **H2** không quan tâm đến gia đình, không chịu làm ăn, hay chơi cờ bạc, chị khuyên can nhưng anh **H2** không nghe, còn ngược đãi vợ con, đánh đập, đang bữa ăn anh **H2** cũng đập phá mâm cơm không cho vợ con ăn. Mâu thuẫn này thỉnh thoảng diễn ra trong 19 năm. Năm 2013, chị đi xuất khẩu lao động (giúp việc ở nước

ngoài), năm nào chị cũng về nhưng vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện tại chị vẫn lao động ở nước ngoài và một năm về nước 1 đến 2 lần. Bố mẹ chị biết việc chị và anh H2 mâu thuẫn, gia đình đã khuyên can, hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra, không có gì thay đổi tích cực. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng gần 20 năm không hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn với anh H2. Chị xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

- Về con chung: Chị và anh H2 có 02 con chung là cháu Cao Thị Thu H1, sinh ngày 19/03/2001 và cháu Cao Văn H3, sinh ngày 11/08/2003 đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Biên bản ghi lời khai, bản tự khai của anh Cao Văn H2 trình bày: (Về quá trình và điều kiện kết hôn như chị H trình bày trên) Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại xã T. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, sau vài năm thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, xô xát. Gia đình hai bên cũng nhiều lần phân tích, hòa giải nhưng cũng chỉ hòa thuận được một thời gian lại mâu thuẫn. Từ năm 2013, chị H đi xuất khẩu lao động, giúp việc ở nước ngoài, không gửi kinh tế về lo cho gia đình. Hàng năm chị H cũng về chơi nhưng cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, hiện chị H vẫn lao động ở nước ngoài. Anh xác định tình cảm không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên anh nhất trí ly hôn với chị H. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Cao Thu H1, sinh năm 2001 và cháu Cao Văn H3, sinh năm 2003 đều đã trưởng thành nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh đi làm theo công trình nên có lúc ở nhà, lúc không, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

- Tại Biên bản làm việc với chị Cao Thị Thu H1 (con gái chị H, anh H2) thể hiện: Chị là con gái của bà Nguyễn Thị H. Bà H đi lao động tại M - Trung Quốc từ nhiều năm nay. Trong thời gian vừa qua, bà H nghỉ phép về Việt Nam chơi một thời gian và làm đơn xin ly hôn và chuẩn bị tài liệu kèm theo và làm văn bản ủy quyền cho chị nộp đơn khởi kiện, nhận các văn bản tố tụng và các nội dung khác theo giấy ủy quyền ngày 06/8/2025 đã được chứng thực tại UBND phường B, thành phố Hải Phòng. Chị xác định đã nhận được các văn bản tố tụng Tòa án gửi gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chị đã thông báo cho bà H được biết.

#### **\* Tại phiên tòa:**

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải và đối thoại tại Tòa án; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh H2.
2. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Nguyên đơn – chị H hiện đang lao động tại M - Trung Quốc, có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Cao Văn H2, có địa chỉ tại: phường B, thành phố Hải Phòng nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H2 có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị H và anh H2 thường xảy ra mâu thuẫn đến nay đã hơn 10 năm, vợ chồng không còn quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, anh H2 cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhiều năm, không thể đoàn tụ và nhất trí ly hôn với chị H. Thực tế hiện anh chị mỗi người sống một nơi, độc lập về kinh tế, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng kéo dài. Do đó, HĐXX

chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh H2 là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị H, anh H2 có 02 con chung là Cao Thị Thu H1, sinh ngày 19/03/2001 và Cao Văn H3, sinh ngày 11/08/2003 đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống, anh chị không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H2 đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn - chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H, anh H2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải và đối thoại tại Tòa án; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H4 ly hôn anh Cao Văn H2.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ho phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0006925 ngày 24/11/2025, chị H4 đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H4 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, anh H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND khu vực 10-Hải Phòng;
- UBND phường Bắc An Phụ, TP. Hải Phòng (số GCNKH 29/2000 của UBND xã Thất Hùng, Kinh Môn, Hải Dương);
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Văn Phúc**